26 Thực hành :

 Kinh tế biển của bắc Trung Bộ va duyên hải nam Trung Bộ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Đánh giá được các điều kiện để phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- So sánh được sự khác nhau trong phát triển kinh tế biển của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

2. Năng lực

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

\* Năng lực Địa Lí

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận xét bảng số liệu và phân tích so sánh bảng số liệu.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng lược đồ Xác định vị trí các cảng biển, bãi tôm, bãi cá của hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích bảng số liệu và rút ra kết luận về tình hình phát triển kinh tế.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Bảo vệ môi trường biển đảo.

- Chăm chỉ: So sánh, phân tích, xác định theo yêu cầu bài tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về các hoạt động kinh tế biển của 2 vùng BTB và DHNTB.

- Xác định các tiềm năng kinh tế biển và có sự so sánh về chênh lệch sản lượng thủy sản của 2 vùng. Định hướng được nội dung bài học

b) Nội dung:

HS quan sát lược đồ và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

HS nêu được các ngành kinh tế biển: du lịch biển, nuôi trồng và khai thác thuỷ hải sản, giao thông biển, khoáng sản biển.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Quan sát lược đồ hình 24.3 và 26.1 SGK cho biết:

1. Kinh tế biển miền Trung có những ngành nào?

2. Theo em kinh tế biển của vùng BTB và DHNTB vùng nào có thế mạnh hơn?

Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Thực hành đọc bản đồ kinh tế của BTB và DHNTB (25 phút)

a) Mục đích:

- Học sinh xác định được các bãi tôm, bãi cá, các bãi biển có giá trị du lịch của 2 vùng kinh tế BTB và DHNTB.

- Đánh giá tiềm năng kinh tế biển của 2 vùng BTB và DHNTB.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bản đồ kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ để trả lời các câu hỏi.

Nội dung chính:

Bài tập 1:

+ Nhận xét tiềm năng kinh tế biển:

- Có nhiều cảng nổi tiếng Cửa Lò, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang.

- Có các bãi tôm, bãi cá lớn.

- Có những băi biển có giá trị du lịch nổi tiếng Sầm Sơn. Cửa Lò , Thuận An, Nha Trang …

- Có thuận lợi để sản xuất muối.

c) Sản phẩm:

HS xác định các địa danh trên bản đồ kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Phát phiếu học tập, học sinh đọc bài SGK và thực hiện theo yêu cầu

 \* Nhóm 1, 5: Xác định các cảng biển

 \* Nhóm 2, 6: Xác định tên địa phương có bãi cá, bãi tôm

 \* Nhóm 3, 7: Xác định các cơ sở sản xuất muối

 \* Nhóm 4, 8: Xác định các cơ sở sản xuất muối

Bước 2: Các nhóm tiến hành thảo luận và xác định trên lược đồ.

Bước 3: Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoàn chỉnh bài làm của nhóm bạn.

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức. HS trả lời câu hỏi: Nhận xét tiềm năng kinh tế biển miền Trung?

 Nhận xét chung tiềm năng phát triển kinh tế biển ở các ngành nào ở cả hai vùng thuộc Duyên Hải miền trung. Nêu rõ những đặc điểm chung của hai miền về mặt tự nhiên : dãy Trường Sơn phía Tây, đồng bằng ven biển hẹp hướng ra biển phía Đông, khí hậu chịu nhiều thiên tai của thời tiết, tiềm năng về du lịch lớn nhờ có chiều bãi biển đẹp, các di sản văn hóa. Người dân có truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Do khai thác tổng hợp kinh tế biển là định lượng hướng chung cho cả hai vùng thuộc Duyên Hải miền Trung.

 Nhận xét riêng từng vùng: do địa hình bở biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh biển nước sâu, vị trí vùng Duyên Hải Nam trung bộ là cửa ngỏ thông ra biển của Tây nguyên, của tiểu vùng sông Mekong nên tiềm năng khai thác cảng biển ở Duyên Hải Nam trung bộ lớn. Vùng biển có nhiều bãi tôm cá, có dòng nước trồi nên trữ lượng thủy sản cao. Khí hậu có mùa khô kéo dài, có nhiều khu vực khí hậu khô hạn làm cho vùng Duyên Hải Nam trung bộ có nhiều tiềm năng phát triển nghề thủy sản, nghề muối

2.2. Hoạt động 2: So sánh thủy sản của hai vùng; giải thích sự chênh lệch thủy sản giữa hai vùng ( 10 phút)

a) Mục đích:

- So sánh được sản lượng sản lượng nuôi trồng và đánh bắt của vùng BTB và DHNTB.

- Giải thích được vì sao có sự chênh lệch thủy sản và nuôi trồng của 2 vùng.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

Nội dung chính:

Bài tập 2

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản Bắc Trung Bộ nhiều hơn Duyên hải Nam Trung Bộ. Vì Bắc Trung Bộ có nhiều đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản, nghề nuôi trồng có từ lâu đời.

- Sản lượng thủy sản khai thác Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều hơn Bắc Trung Bộ. Vì duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú hơn Bắc Trung Bộ, có truyền thống làm nghề biển lâu đời, phương tiện kĩ thuật ngày càng đầy đủ hiện đại, công nghiệp chế biến phát triển.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng vùng Bắc Trung Bộ cao hơn. Gấp 1,3 lần năm 2010. Gấp 1,7 lần năm 2017.

- Sản lượng thủy sản khai thác vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cao hơn. Gấp 2,8 lần năm 2010. Gấp 2,5 lần năm 2017.

- Thủy sản nuôi trồng chiếm bao nhiêu % tổng sản lượng thủy sản mỗi vùng.

+ Bắc Trung Bộ: nuôi trồng chiếm 28,7% năm 2010; chiếm 27,2% năm 2017.

+ Duyên hải Nam Trung Bộ: nuôi trồng chiếm 10,4% năm 2010; chiếm 7,9% năm 2017.

- Giải thích vì sao tổng sản lượng thủy sản của NTB cao hơn BTB:

+ Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng lớn là do có điều kiện tự nhiên thuận lợi: Diện tích mặt nước, bờ biển có nhiều đầm phá, nhiều bãi triều, diện tích đất ngập nước…

+ Duyên hải NTB có sản lượng thủy sản khai thác nhiều hơn là do có nhiều bãi tôm, bãi cá, ngư trường lớn “Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hoàng Sa – Trường Sa”

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV cung cấp cho HS cho bảng số liệu và nhiệm vụ:

Sản lượng thuỷ sản của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

năm 2010 và năm 2017

(Đơn vị: nghìn tấn)

 Vùng

Hoạt động

Bắc Trung Bộ

Duyên hải Nam Trung Bộ

Năm 2010

Năm 2017

Năm 2010

Năm 2017

Nuôi trồng

97,1

147,1

77,9

85,1

Khai thác

240,9

394,6

670,3

992,3

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng vùng nào cao hơn, sản lượng thủy sản khai thác vùng nào cao hơn? Cao hơn bao nhiêu lần. Thủy sản nuôi trồng chiếm bao nhiêu % tổng sản lượng thủy sản mỗi vùng.

- Giải thích vì sao tổng sản lượng thủy sản của NTB cao hơn BTB

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 2 phút. Sau đó báo cáo kết quả. Các HS khác nhận xét.

Bước 3: Giáo viên tổng kết hoạt động và tích hợp bảo vệ môi trường.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV cho HS trả lời câu hỏi sau:

Kinh tế biển của vùng duyên hải miền Trung c̣òn gặp những khó khăn nào? Hướng giải quyết?

Bước 2: HS có 1 phút suy nghĩ.

Bước 3: GV mời HS trả lời. HS khác nhận xét. GV chốt lại kiến thức của bài.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống lại kiến thức về vùng duyên hải miền Trung.

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Thiết kế một sản phẩm.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Ngoài hoạt động khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ còn có điều kiện để phát triển các ngành kinh tế biển nào? Sưu tầm hình ảnh.

Bước 2: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.